THÁI ĐỘ NGHỀ NGHIỆP ẢNH HƯỞNG TỚI KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NGÀNH KẾ TOÁN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PROFESSIONAL ATTITUDES AFFECT THE ACADEMIC PERFORMANCE OF ACCOUNTING STUDENTS IN HANOI

Nguyễn Hồng Anh[1], Nguyễn Thị Thu Hiền[1], Bùi Phương Thảo[1], Nguyễn Thị Loan[2], Nguyễn Thị Xuân Hồng[3,*]

TÓM TẮT

Bài báo nghiên cứu mức độ ảnh hưởng thái độ nghệ nghiệp đối với kết quả học tập của sinh viên ngành kế toán trên địa bàn thành phố Hà Nội; Để xuất một số giải pháp giáo dục thái độ nghề nghiệp nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên các trường Đại học trên địa bàn TP. Hà Nội nói chung và sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nói riêng.

Keywords: *Thái độ nghề nghiệp; kết quả học tập; quản lý giáo dục; sinh viên.*

ABSTRACT

The article examines the level of influence of artistic attitudes on the academic performance of accounting students in Hanoi; Proposing a number of solutions to educate professional attitudes to improve the academic results of students of universities in Hanoi in general and students of Hanoi University of Industry in particular.

Keywords: *Professional attitude; academic results; education management; student.*

[1]Lớp ĐH Kế toán 11 - K 13, Khoa kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

[2] Lớp ĐH Kế toán 10 - K13, Khoa kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

[3]Khoa kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

[*]Email: hongntx2013@gmail.com

1. GIỚI THIỆU

1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Nhiều người vẫn luôn nghĩ rằng, cuộc sống và công việc của họ không tiến triển, không thành công là do hoàn cảnh, do số phận hoặc do không học giỏi như những người khác, do bị lỡ mất cơ hội… Còn đối với những người thành công là do họ may mắn, do điều kiện gia đình, hoặc họ hẳn phải có trí thông minh ưu việt hơn mọi người. Tuy nhiên, bằng nghiên cứu khoa học, các nhà nghiên cứu đã làm rõ vấn đề vả chỉ ra rằng thái độ mới là yếu tố tiên quyết dẫn tới thành công trong công việc. Nghiên cứu dẫn đầu bởi nhà tâm lý học Carol Dweck tại Đại học Stanford, người đã dành nhiều năm nghiên cứu mối liên hệ giữa thái độ và hiệu quả công việc chính thái độ nghề nghiệp, hay cụ thể hơn là sự quyết tâm nỗ lực với công việc, và quyết tâm không ngừng để đạt được mục tiêu nghề nghiệp, là yếu tố đưa nhiều người đi đến thành công.

1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

Ở Việt Nam, để phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, những vấn đề về thái độ nghề nghiệp cho người lao động nói chung và thanh thiếu niên nói riêng đã được quan tâm nghiên cứu, trong đó tiêu biểu là các nhà tâm lý học Phạm Minh Hạc, Nguyễn Khắc Viện, Trần Hiệp, Đỗ Long, Nguyễn Quang Uẩn, Lê Ngọc Lan đã có một số công trình nghiên cứu về thái độ nghề nghiệp dựa trên lý thuyết thái độ, các nghiên cứu này chủ yếu là nghiên cứu về thực trạng thái độ đối với những vấn đề cụ thể để từ đó đưa ra các biện pháp, các hình thức nhằm hình thành thái độ tích cực của khách thể đối với vấn đề nghiên cứu.

Thực tiễn đã chỉ ra rằng, trong giáo dục của nước ta, còn có một đại bộ phận sinh viên chưa có thái độ tích cực, đúng đắn với nghề nghiệp, dẫn đến tình trạng tiêu cực, thái độ chểnh mảng trong học tập lẫn rèn luyện của bản thân. Nhận ra vấn đề này, đồng thời cũng mong muốn cải thiện chất lượng đầu ra, cũng như cải thiện phương pháp dạy và học cho sinh viên khoa kế toán nói riêng, sinh viên các trường Đại học trên địa bàn Thành phố Hà Nội nói chung, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu về sự ảnh hưởng của thái độ nghề nghiệp đến keeys quả học tập của sinh viên ngành kế toán của các trường Đại học ở Thành phố Hà Nội.

1.3. Phương pháp nghiên cứu

1.3.1. Phương pháp nghiên cứu định tính

Nghiên cứu trên cơ sở lý thuyết, các bài báo, công trình nghiên cứu, các số liệu thống kê có liên quan đến đề tài nghiên cứu, trên cơ sở đó tiến hành phân tích, tổng hợp và kế thừa để xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài nghiên cứu.

Nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc; phương pháp điều tra bằng phiếu khảo sát.

1.3.2. Phương pháp nghiên cứu định lượng

Bằng cách hồi quy tuyến tính mô hình nghiên cứu được biểu diễn dưới dạng phương trình tuyến tính. Nghiên cứu

sử dụng phần mềm thống kê SPSS để thực hiện sự phù hợp của thang đo, kiểm định nhân tố khám phá EFA và hồi quy tuyến tính OLS.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THÁI ĐỘ NGHỀ NGHIỆP

2.1. Khái niệm thái độ

Thái độ là sự thể hiện bằng lời nói, cử chỉ hành động về những sự vật hiện tượng và con người bằng những đánh giá,nhận xét có giá trị bao gồm về sự nhận thức, ảnh hưởng và hành vi.

Theo Dương Hải Lâm (2012), thái độ là một bộ phận cấu thành, một thuốc tính toàn vẹn của ý thức tạo ra trạng thái tâm lý sẵn sàng phản ứng lại các tác động khách quan, sẵn sàng hành động với đối tượng theo một hướng nhất định, được biểu hiện ra ở quá trình nhận thức, tình cảm và hành vi của chủ thể trong những tình huống, hoàn cảnh, điều kiện nhất định.

Theo quan điểm của phương Tây, Thomas và F.Zaniecki nêu lên khái niệm của mình: "thái độ là một trạng thái tinh thần của cá nhân đối với 1 giá trị", còn Allport lại cho rằng "Thái độ là trạng thái luôn sẵn sàng về mặt tinh thần. Và thần kinh được tổ chức thông qua các kinh nghiệm. Nó có khả năng điều chỉnh hoặc ảnh hưởng năng động đối với phản ứng của cá nhân hướng đến các khách thể và tình huống mà nó quan hệ".

2.2. Khái niệm thái độ nghề nghiệp

Nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ được đào tạo, con người có được những tri thức, những kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng được những nhu cầu của xã hội.

Thái độ nghề nghiệp là thuộc tính phức hợp của nhân cách, được biểu hiện ở ý thức, tính cách, động cơ, tình cảm, ý chí… của chủ thể đối với hoạt động nghề nghiệp thông qua các đánh giá chủ quan về mặt nhận thức, tình cảm và hành động với đối tượng có liên quan đến việc thỏa mãn nhu cầu nghề của chủ thể.

2.3. Cấu trúc của thái độ

Hiện nay, phần lớn các nhà tâm lý học đồng ý với quan điểm cấu trúc ba thành phần của thái độ do M. Smith đưa ra vào năm 1942. *"Thái độ, về cấu trúc bao hàm các mặt nhận thức, mặt tình cảm và hành vi"*. Theo ông, thái độ có cấu trúc bao gồm các mặt sau:

+ Nhận thức: Là những quan niệm, ý nghĩ, tri thức của con người hoặc những ý kiến cụ thể về một hiện tượng hay một đối tượng nào đó. Thành phần này thể hiện ở quan niệm đánh giá của cá nhân đối với đối tượng.

+ Tình cảm: Là những phản ứng cảm xúc của con người đối với một đối tượng nào đó. Thành phần này bao gồm những xúc cảm, tình cảm của cá nhân đối với đối tượng.

+ Hành vi: Gồm xu hướng hành động, những phản ứng, cách cư xử của cá nhân đối với đối tượng.Mặc dù các nhà nghiên cứu đều thừa nhận cấu trúc thái độ gồm 3 thành phần nhưng họ đưa ra cách nhìn nhận khác nhau về mối quan hệ giữa các thành phần của cấu trúc thái độ.

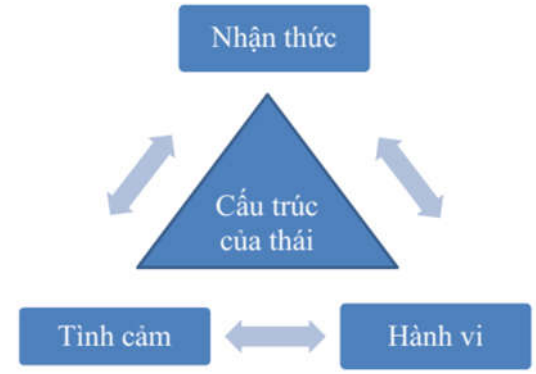

Hình 1. Sơ đồ cấu trúc thái độ

2.4. Hoạt động học tập và kết quả học tập

2.4.1. Hoạt động học tập

Hoạt động học là quá trình lĩnh hội những kinh nghiệm và kinh nghiệm này gây ra sự thay đổi khá sâu sắc trong kiến thức hay hành vi của một cá nhân. Thay đổi đó có thể là có chủ ý hoặc không có chủ ý, tốt hơn hay tồi hơn. Hầu hết các nhà tâm lý học đều đồng ý với quan niệm này, tuy nhiên một số có xu hướng nhấn mạnh về sự thay đổi kiến thức, số khác thì nhấn mạnh ở hành vi.

Khái niệm "Học" *dùng để chỉ việc học diễn ra theo phương thức hàng ngày, nghĩa là học qua lao động, vui chơi, qua kinh nghiệm. Hoạt động này đem lại cho con người những tri thức tiền khoa học, hình thành được những năng lực thực tiễn, trực tiếp do kinh nghiệm hàng ngày mang lại.*

Khái niệm 'hoạt động học"dùng để chỉ hoạt đông học diễn ra theo phương thức nhà trường - một phương thức học đặc biệt của loài người (có tổ chức, điều khiển,nội dung, trình tự…). Qua hoạt động học người học tiếp thu được những tri thức khoa học, những năng lực mới phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn.

2.4.2. Kết quả học tập

Kết quả học tập là một khái niệm thường được hiểu theo hai quan niệm khác nhau trong thực tế cũng như trong khoa học về các quan điểm nào thể hiện kết quả học tập bằng việc xếp loại học lực.

(1). Đó là mức độ xếp loại học lực mà một chủ thể học tập đã đạt, được xem xét trong mối quan hệ với công sức, thời gian đã bỏ ra, với mục tiêu xác định.

(2). Đó còn là mức độ xếp loại học lực đã đạt của một sinh viên so với các bạn học khác.

Theo quan niệm thứ nhất, kết quả học tập là mức thực hiện tiêu chí (criterion).

Với quan niệm thứ hai, đó là mức thực hiện chuẩn (norm).

Theo Nguyễn Đức Chính thì: "Kết quả học tập là mức độ đạt được kiến thức, kĩ năng hay nhận thức của người học trong một lĩnh vực nào đó (môn học).

Theo Trần Kiều, dù hiểu theo nghĩa nào thì kết quả học tập cũng đều thể hiện ở mức độ đạt được các mục tiêu của

dạy học, trong đó bao gồm 3 mục tiêu lớn là: nhận thức, hành động, xúc cảm. Với từng môn học thì các mục tiêu trên được cụ thể hóa thành các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Theo Norman E. Gronlund, trong cuốn "Measurement and Evaluation in Teaching", ông đã bàn đến "learning outcomes" như sau: Mục đích của giáo dục là sự tiến bộ của SV. Đây chính là kết quả cuối cùng của quá trình học tập nhằm thay đổi hành vi của sinh viên.

2.5. Mối quan hệ giữa thái độ nghề nghiệp và kết quả học tập

Thái độ nghề nghiệp là một trong những phẩm chất quan trọng của người lao động, chỉ khi nào con người có được những nhận thức đúng đắn, đầy đủ về nghề nghiệp thì mới hình thành nên những tình cảm sâu sắc, gắn bó với nghề. Tạo nên những động lực hoạt động nghề nghiệp mạnh mẽ, bền vững và bởi thế người ta mới khắc phục được những khó khăn trở ngại trong quá trình hoạt động nghề nghiệp, có khả năng lao động sáng tạo, tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu để hoàn thành nhiệm vụ của mình và không ngừng nâng cao chất lượng nghề nghiệp. Mặt khác, chính tình cảm nghề nghiệp và quá trình hoạt động nghề nghiệp lại củng cố nhận thức của con người ngày càng đầy đủ và sâu sắc, đồng thời có thêm những hiểu biết mới đối với nghề nghiệp.

3. MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

3.1. Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết về khái niệm thái độ, thái độ nghề nghiệp, nhiệm vụ, vai trò của nghề kế toán - kiểm toán và nghiên cứu đi trước, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như hình 2.

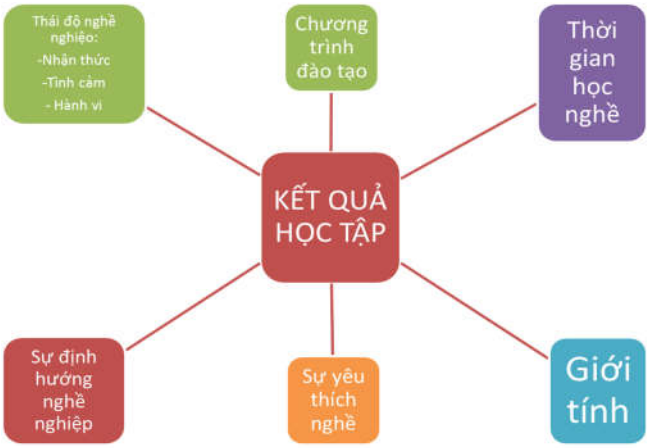

Hình 2. Mô hình nghiên cứu

Trong đó:

- Biến phụ thuộc là: Kết quả học tập, được đo lường bằng việc xếp loại học lực của sinh viên.

- Biến độc lập gồm:

+ Thái độ nghề nghiệp: được đo lường thông qua các tiêu chí: Nhận thức về nghề nghiệp, tình cảm đối với nghề nghiệp; Hành vi đối với việc học nghề nghiệp.

- Các biến kiểm soát: gồm:

+CTĐT: Chương trình đào tạo ngành Kế toán.

+ NAMTHU: Năm thứ

+ SUYEUTHICH: Sự yêu thích

+ DINHHUONGNN: Định hướng nghề nghiệp

+ NV: Nhận thức về nhiệm vụ của Kế toán

+ ĐĐ: Nhận thức về đạo đức nghề nghiệp Kế toán

+ VT: Nhận thức về vai trò của Kế toán

+ TC: Tình cảm đối với nghề Kế toán

+ HV: Hành vi đối với việc học nghề Kế toán

+ GIOITINH: Giới tính

- α_0, x_0, z_0 là hệ số chặn

- ε là sai số của hàm hồi quy

Trong đó, mỗi nhân tố trong mô hình trên được biểu thị thông qua những tiêu chí nhất định, cụ thể như sau:

3.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết H_{01}: *Nhận thức về vai trò tỷ lệ thuận với kết quả học tập*

Giả thuyết H_{02}: *Tình cảm với nghề nghiệp tỷ lệ thuận với kết quả học tập*

Giả thuyết H_{03}: *Hành vi học tập nghề tỷ lệ thuận với kết quả học tập*

Giả thuyết H_{04}: *Chương trình đào tạo tỷ lệ thuận với kết quả học tập*

Giả thuyết H_{05}: Thời gian học nghề tỷ lệ nghịch với kết quả học tập

Giả thuyết H_{06}: Giới tính tỷ lệ thuận với kết quả học tập.

Giả thuyết H_{07}: Sự yêu thích tỉ lệ thuận với kết quả học tập

Giả thuyết H_{08}: *Định hướng nghề nghiệp tỷ lệ thuận với kết quả học tập.*

3.3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Để thực hiện được mục tiêu nghiên cứu theo mô hình trên và trả lời các câu hỏi nghiên cứu, nhóm tác giả đã thiết kế phiếu khảo sát và thực hiện thu thập ý kiến từ nhóm khách thể nghiên cứu là sinh viên ngành Kế toán năm nhất đến năm 4 hệ chính quy của các Trường đại học trên địa bàn Thành Phố Hà Nội. Cụ thể, mẫu nghiên cứu là 168 sinh viên gồm: Đại học Ngoại thương 11 sinh viên, Đại học Bách khoa Hà Nội 10 Sinh viên, Đại học Công nghiệp Hà nội 11 sinh viên, Đại học Điện lực 10 sinh viên, Đại học Kinh tế Quốc dân 11 sinh viên, Đại học Giao thông Vận tải 4 sinh viên, Đại học Lao động - Xã hội 10 sinh viên, Đại học Mỏ - Địa chất 10 sinh viên, Đại học mở Hà Nội 10 sinh viên, Đại học Tài chính - Ngân hàng 10 sinh viên, Đại học Tài nguyên và Môi trường 11 sinh viên, Đại học Thăng Long 10 sinh viên, Đại học Thành Đô 10 sinh viên, Đại học Thương mại 10 sinh viên, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông 10 sinh viên, Học viện Ngân hàng 10 sinh viên, Học viện Tài

chính 10 sinh viên, trong đó năm nhất 38 sinh viên, năm hai 38 sinh viên, năm ba 64 sinh viên, năm tư 37 sinh viên, 1 phiếu không hợp lệ.

Phương pháp xử lý dữ liệu và kiểm định kết quả

Đầu tiên cần kiểm định, đo lường độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha để đưa ra hệ số tin cậy cho thang đo. Sau đó, phân tích nhân tố khám phá EFA để rút gọn một tập hợp k biến quan sát thành một tập hợp F (F < k) các nhân tố có ý nghĩa hơn. Điều này giúp tiết kiệm thời gian và kinh phí nhiều hơn cho người nghiên cứu.

Tiếp theo, nghiên cứu thực hiện kiểm định mối tương quan giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập trong mô hình. Công việc này chính là thực hiện kiểm định hiện tượng tự tương quan. Để có thể phát hiện hiện tượng tự tương quan giữa các biến trong mô hình, nhóm nghiên cứu sử dụng kiểm định Barlett

Đối với các biến trong mô hình nghiên cứu, tác giả thực hiện kiểm định mô hình hồi quy dưới sự hỗ trợ của phần mềm SPSS23.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Thực trạng thái độ nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toàn của các trường Đại học trên địa bàn TP. Hà Nội

Để đánh giá thực trạng thái độ của sinh viên ngành Kế toán của các trường Đại học trên địa bàn TP. Hà Nội, tác giả tiến hành đi sâu nghiên cứu các thành tố trong cấu trúc của thái độ đó là: Nhận thức; Tình cảm và Hành vi của sinh viên.

- *Về mặt nhận thức:* Ở nghiên cứu này, tác giả đưa ra 6 biến quan sát về nhận thức đối với nghề nghiệp đang theo học của sinh viên ngành Kế toán của các trường Đại học trên địa bàn TP. Hà Nội. Trong đó: Nhận thức lại được thể hiện nhỏ hơn ở Nhận thức về nhiệm vụ của kế toán, Nhận thức về vai trò của kế toán và Nhận thức về đạo đức nghề Kế toán.

- *Về mặt tình cảm:* Với 06 biểu hiện về các mức độ tình cảm của sinh viên đối với nghề kế toán – kiểm toán, thang đo chạy từ 1 đến 5 điểm.

- *Về mặt hành vi:* Ở nghiên cứu này, nhóm tác giả đưa ra 8 biểu hiện về hành vi học tập của sinh viên. Chỉ số hành vi học tập được tính bằng giá trị trung bình của 8 biểu hiện này.

4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên trên địa bàn TP. Hà Nội

Sử dụng hệ số Cronbach's Alpha để đánh giá ý nghĩa tổng thể của các biến số trong nhân tố tổng quát. Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha của các nhân tố trong mô hình được tổng hợp như bảng 1.

Bảng 1. Tổng hợp hệ số Cronbach's Alpha các nhân tố trong mô hình

Nhân tố	Hệ số Cronbach's Alpha	Ghi chú
Chương trình đào tạo	0,941	
Nhận thức về nhiệm vụ của Kế toán	0,935	
Nhận thức về vai trò của Kế toán	0,934	
Nhận thức về đạo đức của nghề Kế toán	0,941	
Tình cảm đối với nghề Kế toán	0,924	
Hành vi đối với học nghề Kế toán	0,948	

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu SPSS)

Hệ số Cronbach's Alpha của các nhân tố đều lớn hơn 0,6, chứng tỏ các tiêu chí phản ánh các nhân tố đều có ý nghĩa về mặt tổng thể.

Các hệ số tương quan giữa các tiêu chí với biến tổng thể là chương trình đào tạo đều > 0,3. Chứng tỏ giữa các tiêu chí và biến chương trình đào tạo có mối tương quan với nhau.

Bảng 2. Bảng tổng hợp hệ số tương quan các tiêu chí với biến tổng thể

Nhân tố Chương trình đào tạo		Nhân tố nhận thức về nhiệm vụ của Kế toán		Nhân tố nhận thức về vai trò của Kế toán		Nhân tố nhận thức về đạo đức của Kế toán		Nhân tố tình cảm với nghề Kế toán		Nhân tố Hành vi học nghề Kế toán	
CTDT1	0,716	NTNV1	0,738	NTVT1	0,714	NTDD1	0,754	TC1	0,832	HV1	0,744
CTDT2	0,789	NTNV2	0,752	NTVT2	0,760	NTDD2	0,750	TC2	0,782	HV2	0,753
CTDT3	0,791	NTNV3	0,786	NTVT3	0,772	NTDD3	0,746	TC3	0,828	HV3	0,795
CTDT4	0,801	NTNV4	0,748	NTVT4	0,801	NTDD4	0,718	TC4	0,843	HV4	0,755
CTDT5	0,822	NTNV5	0,799	NTVT5	0,715	NTDD5	0,731	TC5	0,828	HV5	0,745
CTDT6	0,830	NTNV6	0,747	NTVT6	0,801	NTDD6	0,678	TC6	0,839	HV6	0,798
CTDT7	0,792									HV7	0,739
CTDT8	0,773									HV8	0,786

(Nguồn: kết quả xử lý dữ liệu SPSS)

4.2.1. Kiểm định nhân tố khám phá EFA

Trong quá trình phân tích nhân tố khám phá nhóm tác giả để hệ số tả ở mức là 0,55. Do vậy, các nhân tố nào có mức dưới 0,55 sẽ không còn ý nghĩ và bị loại khỏi mô hình nghiên cứu. Kết quả kiểm định cho thấy các tiêu chí NTNV4, NTNV2, NTNV1, NTVT2, TC5 đã bị loại khỏi mô hình.

- Khi chúng ta có Tình cảm với vấn đề đó thì hành vi của mình với vấn đề đó cũng bị ảnh hưởng theo. Nên là các tiêu chí thể hiện cho cái tình cảm đó nó đã thiên hướng về các hành vi, chúng ta sẽ đưa về nhóm đó là hành vi và xuất hiện một nhóm nhân tố mới bao gồm 12 tiêu chí nhỏ sau khi chúng ta phân tích nhân tố khám phá. Đã có các tiêu chí mới, thang đó mới vào biến hành vi.

- Cũng như các nhân tố về vai trò cũng có những nhân tố bị ảnh hưởng bởi đạo đức và được đưa vào nhóm nhân tố mới gồm 9 tiêu chí là nhóm đạo đức.

- Tương tự cũng có nhân tố tình cảm bị ảnh hưởng bởi vai trò thì được đưa vào nhóm nhân tố mới là nhóm vai trò.

Đặt tên của nhóm nhân tố mới:

- Hành vi bao gồm các tiêu chí: HV1, HV2, HV3, HV4, HV5, HV6, HV7, HV8, TC1, TC3, TC4, TC6

- Chương trình đào tạo gồm: CTDT1, CTDT2, CTDT3, CTDT4, CDT5, CTDT6, CTDT7, CTDT8

- Nhận thức về đạo đức: NTDD1, NTDD2, NTDD3, NTDD4, NTDD5, NTDD6, NTNV3, NTNV5, NTNV6

- Nhận thức về vai trò: NTVT1, NTVT3, NTVT4, NTVT5, NTVT6, TC2

Mô hình hồi quy tuyến tính như sau:

Kết quả học lực = β0 + β1.Namthu+β2.Gioitinh+ β3.SUYEUTHICH+ β4.DINHHUONGNN+ β5.HANHVI+ β6NTDD + β7 NTVT+ β8CTDT

4.2.2. Hồi quy tuyến tính

Sau khi thực hiện tự tương quan, nhóm nghiên cứu thực hiện hồi quy tuyến tính với kết quả như bảng 3.

Bảng 3. Bảng kết quả hồi quy

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
		B	Std. Error	Beta		
1	(Constant)	2,951	0,395		70,468	0,000
	NAMTHU	0,076	0,051	0,118	1,510	0,133
	GIOITINH	-0,103	0,116	-0,076	-00,886	0,377
	SUYEUTHICH	-0,032	0,135	-0,023	-00,236	0,813
	DINHHUONGNN	0,340	0,142	0,243	20,399	0,018
	HANHVI	-0,051	0,158	-0,052	-00,321	0,749
	NHANTHUCDD	0,193	0,202	0,188	0,956	.340
	CTDT	0,240	0,125	0,249	1.918	0,050
	NTVT	-0,361	0,238	-0,359	-1.513	0,032

a. Dependent Variable: XEPLOAIHOCLUC

Nhận xét:

Các biến độc lập sig kiểm định t nhỏ hơn hoặc bằng 0,05, biến độc lập có tác động lên biến phụ thuộc:

Nhìn vào kết quả kiểm định cho thấy, các biến độc lập và biến kiểm soát: Định hướng nghề nghiệp, Chương trình đào tạo và nhận thức nhiệm vụ của Kế toán có Sig < 0,05 cho thấy 3 nhân tố này ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên.

- Các biến còn lại gồm: Năm thứ, giới tính, sự yêu thích, hành vi và nhận thức đạo đức có sig lớn hơn 0,05, cho thấy không có sự tác động lên biến phụ thuộc là Kết quả học tập của sinh viên.

Trong kết quả về sự ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến Kết quả học tập của sinh viên thì: Chương trình đào tạo ảnh hưởng tích cực đến Kết quả học tập theo chiều hướng tỷ lệ thuận: Chương trình đào tạo càng tốt, kết quả học tập của sinh viên càng cao. Nhân tố này có hệ số Beta = 0,249 là lớn nhất trong số các nhân tố ảnh hưởng, chứng tỏ Chương trình đào tạo có ảnh hưởng nhiều nhất đến sự thay đổi của kết quả học tập

Sig < 0,05,Beta > 0 => Biến có tác động thuận:

- Định hướng nghề nghiệp ảnh hưởng tích cực đến Kết quả học tập theo chiều hướng tỷ lệ thuận: Định hướng nghề nghiệp càng tốt, kết quả học tập của sinh viên càng cao. Nhân tố này có hệ số Beta = 0,243 là lớn thứ hai trong số các nhân tố ảnh hưởng, chứng tỏ Định hướng nghề nghiệp có ảnh hưởng nhiều thứ hai đến sự thay đổi của kết quả học tập.

Sig < 0,05,Beta > 0 => Biến có tác động thuận.

- Nhận thức nhiệm vụ có ảnh hưởng đến Kết qủa học tập theo chiều hướng tỷ lệ nghịch: Nhận thức nhiệm vụ càng tốt, kết qủa học tập của sinh viên càng thấp. Nhân tố này có hệ số Beta = -0,359 là nhỏ nhất trong số các nhân tố ảnh hưởng, chứng tỏ Nhận thức nhiệm vụ có ảnh hưởng rất ít đến sự thay đổi kết quả học tập .

Sự < 0,05,Beta > 0=> Biến có tác động nghịch.

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên không chỉ phụ thuộc vào chất lượng của quá trình giảng dạy và tổ chức công tác giáo dục mà còn phụ thuộc vào thái độ của họ đối với nghề nghiệp đang được đào tạo. Thái độ đối với nghề nghiệp tích cực sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy người sinh viên nhiệt tình, hăng say phấn đấu trong học tập và rèn luyện. Cấu trúc mới của nhân cách người sinh viên chỉ có thể hình thành và phát triển vững chắc khi cả ba mặt: tri thức, thái độ và kỹ năng nghề nghiệp cùng hòa quyện vào nhau. Trong khuôn khổ nghiên cứu của luận văn, tác giả đã tiến hành khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng thái độ nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán trên địa bàn TP. Hà Nội cũng như xác định các nhân tố của thái độ nghề nghiệp ảnh hưởng tới kết quả học tập của sinh viên ngành kế toán trên địa bàn TP. Hà Nội. Qua đó, tác giả rút ra một số kết luận sau:

- Phần lớn sinh viên có thái độ tích cực với nghề kế toán. Một số sinh viên có thái độ chưa tích cực đối với nghề kế toán là do sinh viên chưa nhận thức đầy đủ về nghề kế toán, do năng lực sinh viên không phù hợp với nghề, một số sinh viên vào trường là do gia đình hướng nghiệp, có khi là sự ép buộc chứ không phải xuất phát từ sự hiểu biết, lòng yêu thích nghề kế toán. Nghiên cứu cũng phát hiện có sự thay đổi kết quả học tập của sinh viên trong quá trình học tập tại trường và nhận thức bởi các nhân tố tác động bên ngoài, cụ thể:

+ Về mặt nhận thức: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ nhận thức giữa sinh viên các khóa, giá trị trung bình của nhân tố nhận thức tăng dần theo số năm học. Điều này có nghĩa là các mức độ nhận thức về nghề nghiệp của sinh viên được củng cố và tăng dần theo thời gian được đào tạo tại nhà trường.

+ Về mặt tình cảm: Sau khi kiểm định nhân tố khám phá EFA thì kết quả nhận thấy rằng các tiêu chí của tình cảm không liên quan hay ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên ngành kế toán trên địa bàn TP. Hà Nội.

+ Về mặt hành vi: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ nhận hành vi giữa sinh viên các khóa, giá trị trung bình của nhân tố hành vi tăng dần theo số năm học. Điều này

có nghĩa là các mức độ hành vi về nghề nghiệp của sinh viên được củng cố và tăng dần theo thời gian được đào tạo tại nhà trường.

- Sau khi kiểm định hồi quy tuyến tính thì khả năng phục vụ và chương trình đào tạo có mối tương quan cùng chiều với thái độ nghề nghiệp, cụ thể là hành vi khi học nghề. Trong đó, khả năng phục vụ là nhân tố làm ảnh hưởng nhiều nhất tới thái độ nghề nghiệp, tiếp theo đó là chương trình đào tạo.

Bên cạnh đó thì nhân tố chương trình đào tạo và giáo viên cũng có mối tương quan cùng chiều với thái độ nghề nghiệp, cụ thể là nhận thức về nghề nghiệp đang học. Trong đó, chương trình đào tạo là nhân tố làm ảnh hưởng nhiều nhất tới thái độ nghề nghiệp

Việc xác định rõ thực trạng, các mức độ ảnh hưởng của thái độ nghề nghiệp đối sinh viên ngành kế toán là cơ sở để đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm điều chỉnh, duy trì và nâng cao thái độ nghề nghiệp cho sinh viên cũng là nâng cao kết quả đào tạo của nhà trường.

5.2. Khuyến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị như sau:

5.2.1. Đối với nhà trường

- Thường xuyên thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức hướng nghiệp và các trường phổ thông trung học nhằm làm tốt công tác hướng nghiệp cho người học trước khi thi tuyển vào trường.

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác giáo dục thái độ nghề nghiệp đối với việc hình thành ý thức học tập và động cơ nghề nghiệp cho sinh viên.

- Tăng cường các biện pháp, hình thức giáo dục ý thức nghề nghiệp cho sinh viên

- Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực hoạt động kế toán - kiểm toán, có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, từng bước hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh theo quy định. Bởi trình độ và uy tín của giáo viên, cán bộ quản lý là những tấm gương sống động có ý nghĩa giáo dục thái độ nghề nghiệp rất lớn cho sinh viên.

- Thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn thiện chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo, đa dạng hóa phương pháp giảng dạy và quản lý, ứng dụng khoa học công nghệ vào giảng dạy, nghiên cứu, học tập, cập nhật tri thức mới về kế toán vào giảng dạy.

- Hoàn thiện hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ nghiên cứu, học tập. Bổ sung nguồn tài liệu tham khảo cho sinh viên ở tất cả các môn học. Xây dựng, cải tạo, nâng cấp phòng thực hành, bổ sung trang thiết bị mới phục vụ cho thực hành của sinh viên.

- Tăng cường các cơ chế, hình thức phối kết hợp giữa nhà trường với các đơn vị doanh nghiệp. Thường xuyên xây dựng kế hoạch và tổ chức cho cán bộ, giáo viên và học viên đi thực tế tại các cơ sở, địa bàn để nâng cao kiến thức chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn.

- Tăng cường tư tưởng về đạo đức nghề nghiệp, nhiệm vụ của kế toán để sau khi ra trường các bạn sẽ là một kế toán viên đầy trách nhiệm và tận tâm với công việc.

5.2.2. Đối với cán bộ quản lý, giáo viên

Đây là lực lượng có vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục nâng cao thái độ nghề nghiệp cho sinh viên thông qua hoạt động quản lý và giảng dạy. Cụ thể:

- Trong quản lý: Chú trọng đến việc giới thiệu về chương trình đào tạo, ngành nghề mà sinh viên đang theo học, qua đó giúp sinh viên nhận thức về triển vọng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp ra trường để từ đó các em có hứng thú học tập, có động cơ nghề nghiệp ngay từ những ngày đầu tiên đến trường. Trong quá trình học tập tại trường, giáo viên chủ nhiệm phải có cách thức quản lý phù hợp, thường xuyên quan tâm, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của sinh viên, thực hiện công bằng, khách quan trong quản lý cũng như các chế độ khen thưởng - kỷ luật, tạo môi trường sinh hoạt, học tập tốt nhất cho sinh viên.

- Trong giảng dạy: Bất kỳ môn học nào cũng có nhiệm vụ giáo dục thái độ nghề nghiệp. Ngay từ buổi lên lớp đầu tiên, giáo viên cần thân thiện với sinh viên, dẫn dắt để sinh viên thấy được vị trí ý nghĩa, tầm quan trọng và triển vọng trong xã hội của nghề kế toán - kiểm toán, đồng thời khẳng định vị trí ý nghĩa môn học mà giáo viên đang dạy trong chương trình đào tạo; qua đó giúp các em có động cơ tích cực học tập môn học đó và nhằm hướng đến hoàn thành chương trình đào tạo. Đồng thời đối trong từng bài học cần xác định rõ mục tiêu về kiến thức, kỹ năng cần thiết phải đạt được, đặc biệt là mục tiêu về thái độ cần hình thành được sau từng bài học, để qua đó thái độ nghề nghiệp của học sinh dần dần được hình thành trong suốt quá trình học tập, rèn luyện ở nhà trường. Có được như vậy sau khi tốt nghiệp ra trường các em thực sự có thái độ nghề nghiệp đúng đắn. Đây là một trong những yêu cầu quan trọng của chuẩn đầu ra mà đã được hầu hết các nhà quản lý lao động đặc biệt quan tâm trong quá trình tuyển dụng và sử dụng lao động.

5.2.3. Đối với sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động phong trào, các hội thảo, hội nghị, các buổi thực tế của lớp, khóa và nhà trường tổ chức.

- Cần năng động, sáng tạo, chịu khó tìm tòi suy nghĩ tạo niềm say mê đối với ngành nghề mình đã lựa chọn.

- Nhận thức đúng đắn về nghề mình học, đồng thời có sự thỏa mãn với nghề.

- Xác định mục tiêu cho tương lai để biết được bản thân cần làm gì và cố gắng hoàn thành mong muốn trong thời gian mình mong muốn.

- Nhận thức được mình là ai, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, mối quan hệ với những người xung quanh,…

- Tăng kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ra quyết định và xử lý vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm,…. Điều đó giúp sinh viên luôn có sự lựa chọn đúng đắn trong các mối quan hệ, việc học tập cũng như đi thực tập của bản thân.

- Xác định đúng động cơ, mục đích học tập, tìm phương pháp học tập phù hợp với bản thân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Dương Hải Lâm, 2012. *Ảnh hưởng của thái độ nghề nghiệp đối với kết quả học tập của sinh viên Trường đại học Phòng cháy chữa cháy*. Đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, trường Đại học Phòng cháy chữa cháy.

[2]. Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên), Trần Văn Tính, Đặng Hoàng Minh. 2009. *Tâm lý học đại cương*. NXB ĐHQGHN.

[3]. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008. *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. NXB Hồng Đức.

[4]. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008. *Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội*. NXB Thống kê.

[5]. Lê Ngọc Phương, 2005. *Thái độ học tập của sinh viên trường Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên*. Luận văn thạc sỹ Tâm lý học, Đại học KHXH & NV, Hà Nội.

[6]. Lâm Thị Sang, 2000. *Thực trạng thái độ nghề nghiệp đối với việc việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên trường cao đẳng sư phạm Bạc Liêu*. Luận văn thạc sĩ, Viện Khoa học giáo dục.

[7]. Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ban hành ngày 20-11-2015, Nghị định số 174/2016/NĐ-CP quy định một số điều của luật kế toán.

[8]. Nguyễn Đức Hưởng, 2006. *Nghiên cứu thái độ học tập của sinh viên trường Đại học An ninh nhân dân*. Luận văn thạc sĩ, Viện Khoa học giáo dục Hà Nội.

[9]. Nguyễn Đình Thọ, 2008. *Nghiên cứu cho luận văn tốt nghiệp*. Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.

[10]. Nguyễn Khắc Viện, 1991. *Từ điển tâm lý*. Nhà xuất bản ngoại văn, Trung tâm nghiên cứu tâm lý trẻ em, Hà Nội.

[11]. Nguyễn Thanh Giang, 2005. *Thái độ đối với môn Tâm lý học lãnh đạo, quản lý của học viên Phân viện TP. Hồ Chí Minh - Học viện CTQG Hồ Chí Minh*. Luận văn thạc sỹ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP HCM.

[12]. Nguyễn Thị Hoa, 2000. *Nghiên cứu thái độ đối với việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên trường Cao đẳng mầm non Thanh Hóa*. Luận văn thạc sỹ, Hà Nội.

[13]. Nguyễn Thị Lan Anh, 2018. *Giáo trình nguyên lý kế toán*. Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

[14]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Trần Văn Tính 2009. *Tâm lý học phát triển*. NXB ĐHQGHN.

[15]. Nguyễn Phương Hồng, 1997. *Thanh niên, học sinh, sinh viên với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Nhà xuất bản chính trị Quốc gia - Hà Nội.

16.Lê Thị Linh Trang, 2001. *Thái độ đối với quan hệ tình dục trước hôn nhân của sinh viên học viên Ngân hàng phân viện TP Hồ Chí Minh*. Luận văn thạc sỹ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP HCM.

[17].Mạc Văn Trang, 2002. *Giáo dục thái độ nghề nghiệp cho học sinh học nghề - một số vấn đề cơ bản và cấp bách,*. Tạp chí giáo dục số 39.

[18]. Phạm Hồng Diệp, 2013. *Giáo trình Lý thuyết kiểm toán*. Trường Đại Công nghiệp Hà Nội.

[19]. Phạm Thị Ngọc Anh, 1998. N*ghiên cứu thái độ nghề nghiệp của học sinh học nghề*. Luận văn thạc sĩ, Viện nghiên cứu đại học và giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.

[20]. Phan Thị Ngọc Anh, Đỗ Thị Hoà, Trần Thị Ninh Giang, Mạc Văn Trang, 1995. *Nghiên cứu thái độ nghề nghiệp của học sinh học nghề và những yếu tố ảnh hưởng đến thái độ nghề nghiệp trong quá trình đào tạo ở trường nghề*. Đề tài nghiên cứu cấp viện, Viện nghiên cứu phát triển giáo dục.

[21]. Phí Thị Nguyệt Thanh, 2009. *Nghiên cứu về thái độ đối với nghề nghiệp của học sinh, sinh viên điều dưỡng, đề xuất các giải pháp can thiệp*. Luận án Tiến sĩ. Viện Vệ sinh dịch tễ TƯ.

[22].Thân Trung Dũng, 2009. *Nhận thức về nghề nghiệp và giá trị nghề nghiệp hậu cần quân sự của học viên đào tạo sỹ quan hậu cần cấp phân đội - bậc đại học ở Học viện Hậu cần hiện nay*. Đề tài nghiên cứu cấp học viện, Học viên Hậu cần.

[23]. Vũ Thị Lan Anh, 2000. *Ảnh hưởng của nhận thức nghề tới xu hướng nghề của sinh viên trường Cao đẳng Văn hóa TP Hồ Chí Minh*. luận văn thạc sỹ.